TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/HS-ST
Ngày 30-11-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Hoàng Thanh Mai và bà Phan Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Lưu Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 90/2021/TLST-ST ngày 15 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Thị Mỹ T; sinh ngày 08 tháng 01 năm 1992 tại huyện M, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Chứt; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Trương Thị T; chồng Nguyễn Trung T và 02 con *(Lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2020)*; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 10/9/2021 cho đến nay; *Có mặt*

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Phan Trọng H; Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình; *Có mặt*

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; *Vắng mặt*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Quảng Bình; *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 15h30 ngày 09/7/2021, Trần Thị Mỹ T đi xe mô tô đi từ thành phố Đồng Hới theo đường Hồ Chí Minh về huyện Minh

Hóa. Khi đi đến xã Phúc Trạch, Trường ghé quán bán hàng tạp hóa của anh Nguyễn Văn H để mua sữa cho con. Khi vào bên trong quán T nhìn thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALMEC 14 đang để trên kệ bán hàng, lợi dụng sơ hở lúc chủ cửa hàng đang bận khách T lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần phía sau rồi đi ra quầy thanh toán tiền và rời đi. Về đến nhà bố mẹ, T tắt nguồn điện thoại và gỡ thẻ sim ra khỏi máy sau đó để vào túi xách và giấu vào tủ quần áo của mẹ T. Sáng hôm sau T đưa điện thoại trên đến cửa hàng sửa chữa điện thoại mở khóa.

Tại kết luận định giá tài sản số 44/KL - HĐĐGTS ngày 26/7/2021 của Hội đồng định giá kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME C14, dung lượng 64GB trị giá 3.420.000 đồng. (Ba triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng). (BL: 13 - 14, 23 - 25, 28 - 29, 61 - 66).

Về xử lý vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bố Trạch đã thu giữ và xử lý trả lại 01 điện thoại cho bị hại Nguyễn Văn H và anh H không có ý kiền gì thêm; trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, Biển kiểm soát 73D1 -123.53, màu sơn trắng, xanh cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trung T. (BL: 11, 73 - 74, 77 - 78).

Cáo trạng số: 85/CT-VKSBT ngày 08/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử phạt bị cáo mức án từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; không áp dụng biện pháp khấu trừ một phần thu nhập và hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; về trách nhiệm dân sự không xem xét và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo trình bày: Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, người bào chữa hoàn toàn đồng ý với bản luận tội và mức án đề nghị áp dụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vào nhân thân, hoàn cảnh gia đình bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định pháp luật để áp dụng mức án thấp nhất có thể đối với bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội lần đầu.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện như bản cáo trạng đã truy tố nên không tranh luận gì thêm về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo và xin giảm nhẹ về hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Phiên tòa vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, sự vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định chung.

[2] Về hành vi phạm tội, tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng bị thu giữ, kết luận định giá tài sản cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thụ thập có trong hồ sơ vụ án và đã thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Lợi dụng sở hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, Trần Thị Mỹ T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động của anh Nguyễn Văn H có giá trị theo kết luận định giá là 3.420.000 đồng.

Xét thấy hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị như trên của bị cáo với lỗi cố ý đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ và thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017). Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị truy tố và xét xử bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và có đủ nhận thức về pháp luật, am hiểu đời sống xã hội nhất định và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội gây thiệt hại không lớn; trong quá trình giải quyết vụ án luôn có thái độ thành khẩn trong khai báo, tỏ rõ ăn năn hối cải và được bị hại xin bãi nại giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, bị báo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bản thân bị cáo là người dân tộc Chứt, đang bị bệnh u tuyến giáp, gia đình thuộc hộ nghèo và đang nuôi 02 con nhỏ.

[4] Về hình phạt: Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng,

Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh gia đình có nhiều khó khăn. Do đó, chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho chính quyền địa phương phối hợp với gia đình giám sát giáo dục bị cáo theo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; người bào chữa là đã có đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp và hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, gia đình thuộc hộ nghèo, bản thân đang nuôi 02 con nhỏ. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng biện pháp khấu trừ một phần thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ Luật hình sự đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ và trả lại tài sản cho bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, cho nên Hội đồng xét xử không xem xét gì thêm.

[7] Về án phí: Xét thấy bị cáo thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí là thuộc trường hợp được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Mỹ T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị Mỹ T **09** *(chín)* tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo được tính từ ngày UBND xã H, huyện T, tỉnh Quảng Bình nhận được bản án và quyết định thi hành án của Tòa án. Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện T, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Trần Thị Mỹ T.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/11/2021). Bị hại, người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QB;
- VKSND tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh QB;
- Phòng PV 06 CA tỉnh QB;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- CA huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Bị cáo; Bị hại, NCQLNVLQ;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Quảng Bình
- Lưu: HSVA, VP, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Trung Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HĐXX		THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Hoàng Thanh Mai	**Phan Thị Tuyết**	**Trần Trung Thành**